

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Lê Văn Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 537A, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân TH, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 50, khu dân cư ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh TH cưới nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167. Sau khi kết hôn, Chị T và anh TH chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Chị T và anh TH không còn tình cảm, không thống nhất quan điểm

sống với nhau, trong công việc làm ăn không thuận lợi nên cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn. Nhiều lần Chị T cố gắng dung hòa tình cảm nhưng không thể hàn gắn được, nên đã ly thân từ tháng 01/2014 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, Chị T và anh TH không đến thăm hỏi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị T yêu cầu được ly hôn anh TH. Về con chung: Chị T và anh TH có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 12/01/2012, hiện nay đang do anh TH nuôi dưỡng. Chị T đồng ý để anh TH được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Gia K, Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về chia tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 20/10/2018, bị đơn Nguyễn Xuân TH trình bày: Anh TH đồng ý ly hôn với Chị T, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng là đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Xuân TH là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Chị T và anh TH thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh TH có địa chỉ cư trú tại số nhà 50, khu dân cư ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Nguyễn Xuân TH không có mặt tại Tòa án mà có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh TH là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân TH đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong

gia đình. Tuy nhiên, sau vài năm chung sống, anh TH và Chị T đã không làm được điều đó, vợ chồng đã không quan tâm chia sẻ những khó khăn cho nhau, không thể dung hòa mối quan hệ hôn nhân nên Chị T không còn tình cảm với anh TH, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến Chị T không còn chung sống với anh TH từ tháng 01/2014 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh TH. Trong đơn xin vắng mặt của anh Nguyễn Xuân TH cũng không muốn hàn gắn và đồng ý ly hôn với Chị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân TH.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh TH có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 12/01/2012, hiện nay đang do anh TH nuôi dưỡng.

Xét thấy, khi Chị T và anh TH ly thân từ ngày tháng 01/2014 đến nay, thì anh TH là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, tuy anh TH đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn thường xuyên về chăm sóc cháu K chu đáo nên cháu K vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, anh TH có nghề nghiệp ổn định, Chị T cũng đồng ý để anh TH được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, nên việc tiếp tục giao con chung cho anh TH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh TH không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con, nhưng Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của Chị T.

Sau khi ly hôn, anh TH cùng các thành viên gia đình không được cản trở Chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T và anh TH không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân TH.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 12/01/2012 cho anh Nguyễn Xuân TH trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 12/01/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018.

2.3. Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 12/01/2012, anh Nguyễn Xuân TH cùng các thành viên gia đình không được cản trở Chị T thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BG/2017/0002994 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị Phạm Thị T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

6. Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân TH có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- CC.THADS huyện V;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Quan Nam